

DOI: 10.58490/ctump.2024i81.2741

NHU CẦU KẾT HÔN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Hồ Huyền Linh, Trang Triều Quân, Châu Quốc Tài, Trương Yến Phương, Nguyễn Mỹ An, Phạm Thị Ngọc Nga**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: ptnnga@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 23/6/2024

Ngày phản biện: 14/10/2024

Ngày duyệt đăng: 25/10/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kết hôn là nhu cầu chính đáng của mỗi con người, tuy nhiên để đạt được nhu cầu cơ bản này, người đồng tính, song tính và chuyển giới phải trải qua quá trình đấu tranh đầy khó khăn. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát nhu cầu kết hôn hợp pháp của người đồng tính, song tính và chuyển giới và một số yếu tố liên quan tại thành phố Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, trên 250 người đồng tính, song tính và chuyển giới tại thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** 60% người đồng tính, song tính và chuyển giới có nhu cầu kết hôn hợp pháp. Các yếu tố về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục đều có liên quan đến nhu cầu kết hôn hợp pháp ($p < 0,05$). Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến nhu cầu kết hôn hợp pháp là gia đình ($4,07 \pm 0,794$), kế đến là bản thân ($3,61 \pm 0,949$), sau cùng là xã hội ($2,56 \pm 1,205$). **Kết luận:** Một số lượng khá lớn (60%) người đồng tính, song tính và chuyển giới trong nghiên cứu mong muốn kết hôn hợp pháp, tuy nhiên còn tồn tại quá nhiều rào cản, đặc biệt là gia đình. Tiến hành các nghiên cứu về người đồng tính, song tính và chuyển giới và tư vấn hỗ trợ tâm lý là hoạt động cần thiết cho sự đấu tranh cho bình đẳng và quyền tự do cho cộng đồng này.

Từ khóa: Nhu cầu kết hôn, LGBT, Cần Thơ.

ABSTRACT

THE NEED FOR LEGAL MARRIAGE OF GAY, LESBIAN, BISEXUAL AND TRANSGENDER PEOPLE IN CAN THO CITY

*Ho Huyen Linh, Trang Trieu Huan, Chau Quoc Tai, Truong Yen Phuong, Nguyen My An, Pham Thi Ngoc Nga**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Marriage is a legitimate need for every person, however, to achieve it gay, lesbian, bisexual and transgender people had to experience a difficult process. **Objectives:** To survey the need for legal marriage among gay, lesbian, bisexual and transgender individuals in Can Tho City. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 250 gay, lesbian, bisexual and transgender individuals in the Can Tho City. **Results:** Among gay, lesbian, bisexual and transgender people, 60% had the need for legal marriage. Gender, age, educational level, age of realizing sexual orientation, economic condition were all related to the need for legal marriage ($p < 0.05$). The factor that mostly affect to the need for legal marriage was family (4.07 ± 0.794), after that was oneself (3.61 ± 0.949), at last was society (2.56 ± 1.205). **Conclusion:** A significant proportion (60%) of gay, lesbian, bisexual and transgender people in the study had the need for legal marriage, however, there were many barriers, especially family. Providing researches about gay, lesbian, bisexual and transgender people community and psychological support is necessary to the struggle for gay, lesbian, bisexual and transgender people community's equality and liberty.

Keywords: The need for legal marriage, LGBT, Can Tho.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xuất phát từ hai nguyên tắc nền tảng “không phân biệt đối xử” và “bình đẳng” trong Luật Nhân quyền quốc tế, có thể thấy rằng mọi người với mọi xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau đều có tư cách là một con người trước pháp luật và có đầy đủ các quyền trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có quyền kết hôn hợp pháp. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 2014 có hiệu lực Quốc hội từ ngày 01/01/2015 nêu rõ: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” [1]. Tuy vậy, nhiều đám cưới giữa những người cùng giới tính vẫn diễn ra ngày càng nhiều và công khai. Những thực tế này đã cho thấy kết hôn là nhu cầu rất chính đáng của tất cả mọi người, trong đó có cả người đồng tính, song tính và chuyển giới. Nhưng cũng từ đó các quan hệ về nhân thân, tài sản hoặc về con cái phát sinh từ việc chung sống chưa có cơ chế pháp lý để điều chỉnh và giải quyết các hậu quả. Mặt khác, xã hội mà chúng ta đang sống là một “xã hội dị tính” vì vậy mà mô hình gia đình với sự kết hợp của một nam và một nữ với chức năng chính duy trì nòi giống là một “truyền thống điển hình” [2]. Sự tiếp nhận một mô hình mới, ví dụ như một gia đình của cặp đôi cùng giới khó có thể tượng tượng và chấp nhận được. Nhiều phong trào đòi quyền bình đẳng, đòi quyền được kết hôn hợp pháp cho những người LGBT đã được xuất hiện khá nhiều nước trên thế giới [3], [4] tuy nhiên tại Việt Nam vấn đề này vẫn còn rất hạn chế. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Khảo sát nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT và một số yếu tố liên quan tại Thành phố Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người LGBT từ 20 tuổi đồng ý tham gia nghiên cứu đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Cần Thơ từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Chọn thuận tiện tất cả người LGBT đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Cần Thơ, đồng ý tham gia nghiên cứu đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Cần Thơ từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024. Có 250 người LGBT đã tham gia.
- **Nội dung nghiên cứu:**
 - + Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục.
 - + Nhu cầu kết hôn hợp pháp: Là mong muốn, nguyện vọng được kết hôn khi đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ (tỷ lệ về nhu cầu kết hôn hợp pháp, các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp).
- **Phương pháp thu thập và đánh giá số liệu:**
 - + Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Số liệu được thu thập bằng phiếu thông tin với các nội dung: Giới tính (nam/nữ), độ tuổi, trình độ học vấn (đã tốt nghiệp THCS/đã tốt nghiệp THPT/đã tốt nghiệp đại học/đã tốt nghiệp sau Đại học) và độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục.
 - + Tỷ lệ về nhu cầu kết hôn hợp pháp được nhóm nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi để thu thập bao gồm 3 chọn lựa: Đồng ý nếu đối tượng nghiên cứu có nhu cầu kết hôn hợp pháp, không đồng ý nếu đối tượng không có nhu cầu và không rõ nếu đối tượng còn phân vân.

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp được thu thập bằng bảng câu hỏi nhiều lựa chọn, có 3 yếu tố chính gồm bản thân, gia đình và xã hội. Mỗi yếu tố bao gồm 5 nội dung. Câu hỏi khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ từ 1 đến 5. Điểm trung bình theo 5 mức đánh giá được quy đổi thành điểm trung bình (ĐTB) mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến nhu cầu kết hôn hợp pháp. Trong đó:

1,00 - 1,80: Hoàn toàn đồng ý

1,81 - 2,60: Không đồng ý

2,61 - 3,40: Đồng ý một phần

3,41 - 4,20: Đồng ý

4,21 - 5,00: Hoàn toàn đồng ý

+ Số liệu được nhập và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 25.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu đã thực hiện trên 250 đối tượng người LGBT, kết quả cụ thể như sau: 103 người đồng tính nam (41,2%), 71 người đồng tính nữ (28,4%), 27 người song tính nam (10,8%), 10 người song tính nữ (4%), 11 người chuyển giới nam (4,4%) và 28 người chuyển giới nữ (11,2%).

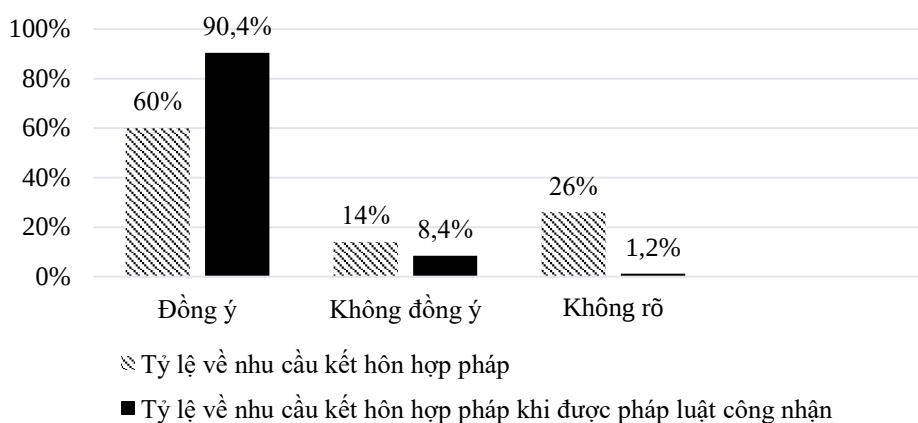
Bảng 1. Đặc điểm chung của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Thành phố Cần Thơ

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	159	63,6
Nữ	91	36,4
Độ tuổi		
20 - 35 tuổi	237	94,8
> 35 tuổi	13	5,2
Trình độ học vấn		
Đã tốt nghiệp THCS	3	1,2
Đã tốt nghiệp THPT	36	14,4
Đã tốt nghiệp Đại học	81	32,4
Đã tốt nghiệp sau Đại học	130	52,0
Độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục		
< 15 tuổi	110	44,0
15 - < 20 tuổi	119	47,6
≥ 20 tuổi	21	8,4
Điều kiện kinh tế		
Nghèo	39	15,6
Không nghèo	211	84,4

Nhận xét: Tỷ lệ nam (63,6%) tham gia nghiên cứu nhiều hơn nữ (36,4%); phân bố nhiều nhất ở 20-35 tuổi (94,8%); đã tốt nghiệp sau Đại học chiếm cao nhất (52%); độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục chủ yếu <15 tuổi (44%) và 15-<20 tuổi (47,6%).

3.2. Nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

3.2.1. Nhu cầu kết hôn hợp pháp



Biểu đồ 1: Tỷ lệ về nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

Nhận xét: Theo khảo sát có 60% đối tượng có nhu cầu kết hôn hợp pháp, 14% đối tượng không có nhu cầu và 16% đối tượng chưa rõ. Khi được pháp luật công nhận, số ý kiến đồng ý tăng lên đến 90,4%, không đồng ý giảm xuống 8,4% và không rõ giảm xuống 1,2%.

3.2.2. Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm dân số học của người LGBT

Bảng 2. Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm dân số học của người LGBT

Nhu cầu kết hôn hợp pháp	Đồng ý	Không đồng ý	Không rõ	p
Đặc điểm				
Giới tính				
Nam	52,8	29,6	17,6	0,007
Nữ	72,5	7,7	19,8	
Độ tuổi				
20-35 tuổi	61,6	11,8	26,6	0,000
> 35 tuổi	30,8	53,8	15,4	
Trình độ học vấn				
Đã tốt nghiệp THCS	66,7	33,3	0	0,043
Đã tốt nghiệp THPT	61,1	25	13,9	
Đã tốt nghiệp Đại học	56,8	18,5	24,7	
Đã tốt nghiệp sau Đại học	61,5	7,7	30,8	
Độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục				
< 15 tuổi	56,4	12,8	30,8	0,029
15 - < 20 tuổi	54,2	14,3	0	
≥ 20 tuổi	39	32	29	

Nhận xét: Mối liên quan giữa các yếu tố: Giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục và nhu cầu kết hôn hợp pháp có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

3.2.3. Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm xu hướng tính dục của người LGBT

Bảng 3. Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm xu hướng tính dục

Nhu cầu kết hôn hợp pháp \ Đặc điểm	Đồng ý	Không đồng ý	Không rõ	p
Đồng tính nam	47,6	18,4	34	0,001
Đồng tính nữ	66,2	9,9	23,9	
Song tính nam	44,4	29,6	25,9	
Song tính nữ	100	0	0	
Chuyển giới nam	81,8	0	18,2	
Chuyển giới nữ	82,1	3,6	14,3	

Nhận xét: Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm xu hướng tính dục của người LGBT có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

3.3.1. Bản thân

Bảng 4. Ảnh hưởng của bản thân đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

TT	Nội dung	$\bar{x} \pm SD$
1	Đề hỗ trợ lẫn nhau về tinh thần, tình cảm tạo cảm giác cuộc sống an toàn	$3,78 \pm 0,928$
2	Thể hiện tình yêu cam kết chung thủy	$4,21 \pm 0,858$
3	Kế hoạch cuộc sống lâu dài sau này (có con cái, tài sản, tuổi già)	$4,06 \pm 0,930$
4	Thể hiện sự trưởng thành và độc lập	$3,25 \pm 0,978$
5	Chia sẻ chi tiêu, tài chính	$2,76 \pm 1,042$
Điểm trung bình chung		$3,61 \pm 0,949$

Nhận xét: Ảnh hưởng của bản thân đến nhu cầu kết hôn hợp pháp có ĐTB = $3,61 \pm 0,949$, nằm trong khoảng ý kiến Đồng ý, trong đó, cao nhất vẫn là mong muốn thể hiện tình yêu cam kết chung thủy (ĐTB = $4,21 \pm 0,858$).

3.3.2. Gia đình

Bảng 5. Ảnh hưởng của gia đình đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

TT	Nội dung	$\bar{x} \pm SD$
1	Được thực hiện các trách nhiệm con cái đối với gia đình hai bên	$4,38 \pm 0,969$
2	Được hưởng mọi quyền lợi về tài sản, đất đai của gia đình, dòng họ	$3,82 \pm 0,787$
3	Được tham gia vào các hoạt động chung của gia đình hai bên	$3,92 \pm 0,764$
4	Không được họ hàng chấp nhận	$4,10 \pm 0,751$
5	Không được cha mẹ chấp nhận	$4,14 \pm 0,700$
Điểm trung bình chung		$4,07 \pm 0,794$

Nhận xét: Ảnh hưởng của gia đình đến nhu cầu kết hôn hợp pháp có ĐTB = $4,07 \pm 0,794$, nằm trong khoảng ý kiến Đồng ý, trong đó, cao nhất vẫn là mong muốn được thực hiện các trách nhiệm con cái đối với gia đình hai bên (ĐTB = $4,38 \pm 0,969$).

3.3.3. Xã hội

Bảng 6. Ảnh hưởng của xã hội đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

TT	Nội dung	$\bar{x} \pm SD$
1	Khiến các bạn trẻ vội vàng đăng ký kết hôn mà không suy nghĩ kỹ, dẫn đến tình trạng tỷ lệ ly dị tăng cao khiến gây thêm kỳ thị xã hội	$3,21 \pm 1,384$
2	Sẽ có những làn sóng phản đối từ xã hội hơn lúc chưa hợp pháp hoá	$1,67 \pm 0,960$

TT	Nội dung	$\bar{x} \pm SD$
3	Sẽ khiến xã hội để ý, soi mói nhiều đến các cặp cùng giới, ảnh hưởng đến sự riêng tư	$2,95 \pm 1,337$
4	Định kiến của xã hội về việc hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới có thể làm lệch lạc tư tưởng của giới trẻ	$1,63 \pm 0,957$
5	Không được xã hội, cộng đồng chấp nhận	$3,34 \pm 1,389$
Điểm trung bình chung		$2,56 \pm 1,205$

Nhận xét: Ảnh hưởng của xã hội đến nhu cầu kết hôn hợp pháp có ĐTB= 2,56 $\pm$ 1,205, nằm trong khoảng ý kiến Đồng ý một phần, trong đó, cao nhất vẫn là việc không được xã hội, cộng đồng chấp nhận (ĐTB=3,34 $\pm$ 1,389).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Trong tổng 250 người LGBT đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Cần Thơ tham gia trong nghiên cứu có 103 người đồng tính nam (41,2%), 71 người đồng tính nữ (28,4%), 27 người song tính nam (10,8%), 10 người song tính nữ (4%), 11 người chuyển giới nam (4,4%) và 28 người chuyển giới nữ (11,2%). Về giới tính, ghi nhận nam (63,6%) và nữ (36,4%), tỷ lệ nam/nữ xấp xỉ 7/4. Kết quả có thể được giải thích rằng nhóm nam giới trong xã hội được xuất hiện và chú ý nhiều hơn nhóm nữ giới, mặt khác cũng có thể do nhóm đồng tính nam, song tính nam và chuyển giới nữ trong cộng đồng có xu hướng cởi mở và bộc lộ nhiều hơn nhóm còn lại. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Phan Thanh Hải [5] (nam/nữ = 3/2), có thể do chênh lệch về cỡ mẫu nghiên cứu (150 mẫu so với 250 mẫu). Về độ tuổi, đa số đối tượng nghiên cứu có độ tuổi trong khoảng 20-35 tuổi, chiếm 94,8%. Độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục tập trung trong khoảng <20 tuổi, cụ thể: <15 tuổi chiếm 44%, 15-<20 tuổi chiếm 47,6% trong khi nhận ra xu hướng tính dục sau 20 tuổi chỉ chiếm 8,4%. Về trình độ học vấn, các đối tượng đa số có trình độ cao, cụ thể: tốt nghiệp Đại học (32,4%), 52% tốt nghiệp sau Đại học.

4.2. Nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

Tỷ lệ về nhu cầu kết hôn hợp pháp: Có 150/250 (60%) người LGBT có mong muốn kết hôn hợp pháp, đối tượng không có mong muốn này là 35/250 (14%) và chưa rõ là 65/250 (26%). Tuy nhiên, nếu được pháp luật cho phép kết hôn hợp pháp, số người đồng ý tăng lên 226/250 (90,4%), không có mong muốn là 21/250 (8,4%) và chưa rõ là 3/250 (1,2%). Như vậy có thể thấy đa số người LGBT trong nghiên cứu đều đang trăn trở trong vấn đề kết hôn hợp pháp. Tỷ lệ trong nghiên cứu khác so với các nghiên cứu trước đây, có thể do khác biệt về điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội và thời đại,... Năm 2008, Anthony R. D'Augelli PhD nghiên cứu trên 133 người đồng tính, kết quả 1/3 nam giới và 1/2 nữ giới coi các mối quan hệ lâu dài trong tương lai là cực kỳ quan trọng; 61% nam giới và 82% nữ giới mong đợi những mối quan hệ như vậy sẽ là một vợ một chồng; 1/3 nam giới và 2/3 nữ giới cho biết họ rất có thể sẽ kết hôn [6]. Năm 2012, Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT tại Việt Nam (ICS) thực hiện khảo sát 2.000 người đồng tính cho kết quả 71% mong muốn pháp luật cho phép kết hôn đồng giới, 25% muốn sống chung có đăng ký và 4% muốn sống chung không đăng ký. Trong nghiên cứu khác với đối tượng là đồng tính nữ, nếu pháp luật cho phép, 77% cho rằng họ muốn kết hôn, 3% không muốn, 16% cho rằng kết hôn hay không không quan trọng và số còn lại không rõ mong muốn của mình. Trong một cuộc khảo sát trực tuyến của Viện nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE)

năm 2013 với 2.401 người đồng tính nữ, 92% muốn pháp luật cho phép kết hôn cùng giới. Hơn ba phần tư (77%) cho biết họ sẽ kết hôn nếu luật pháp cho phép, 16% nói kết hôn hay không không quan trọng [7]. Mặc dù có sự khác biệt về kết quả nghiên cứu, tỷ lệ mong muốn kết hôn hợp pháp vẫn rất cao, điều này chứng tỏ hôn nhân hợp pháp là nhu cầu cơ bản và cần thiết của con người, nhất là người LGBT.

Mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm dân số học của người LGBT: Số liệu cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm dân số học bao gồm: giới tính ($p=0,007$), tuổi ($p<0,001$), trình độ học vấn ($p=0,043$) và độ tuổi nhận ra xu hướng tính dục ($p=0,029$). Bên cạnh đó, mối liên quan giữa nhu cầu kết hôn hợp pháp và đặc điểm xu hướng tính dục của người LGBT cũng có ý nghĩa thống kê với $p=0,001$.

4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT

Bản thân: Đa số những người khảo sát đều đồng ý bản thân có ảnh hưởng đến kết hôn hợp pháp với $\bar{X}=3,61 \pm 0,949$. Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất tới quyết định kết hôn là thể hiện tình yêu cam kết chung thủy ($\bar{X}=4,21 \pm 0,858$). Nghiên cứu của iSEE năm 2013 chỉ ra rằng các cặp đôi cùng giới khi cân nhắc và đi đến quyết định sống chung chủ yếu xuất phát từ mong muốn tạo dựng một không gian chung của hai người, ở đó họ hy vọng có thể mang lại sự chia sẻ về tinh thần, tình cảm và tạo dựng một cuộc sống gia đình (87.5%), thể hiện sự cam kết chung thủy chung (81%), bắt đầu những cam kết ổn định và lâu dài (70%). Kết quả có phần khác khi yếu tố hỗ trợ lẫn nhau về tinh thần, tình cảm tạo cảm giác cuộc sống an toàn lại chiếm tỷ lệ cao nhất, tuy nhiên sau đó vẫn là yếu tố thể hiện sự cam kết chung thủy chung. Có thể thấy sự chung thủy là yếu tố quan trọng trong quyết định và nhu cầu kết hôn của các cặp đôi, nhất là các cặp đôi cùng giới. Kết quả khảo sát khác khi phỏng vấn sâu với 20 người cho thấy, tất cả người đồng tính có cuộc sống chung với người đồng giới đều có quan niệm rất rõ ràng về sự gắn bó lâu dài và đều thể hiện mong muốn giữ gìn mối quan hệ này, với tình yêu là điều kiện và nền tảng quan trọng nhất cho mỗi quan hệ [8].

Gia đình: Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT. Đa số những người khảo sát đều đồng ý gia đình có ảnh hưởng đến kết hôn hợp pháp với $\bar{X}=4,07 \pm 0,794$. Trong đó yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến nhu cầu kết hôn hợp pháp là được thực hiện các trách nhiệm con cái đối với gia đình hai bên ($\bar{X}=4,38 \pm 0,969$). So sánh với nghiên cứu của iSEE năm 2013, hơn 80% người LGBT cho biết họ mong muốn được cha mẹ chấp nhận, 63% cho biết họ muốn được họ hàng chấp nhận, để có thể làm tròn nghĩa vụ và bổn phận báo hiếu với gia đình (64%). Kết quả có phần khác nhưng sự chấp nhận của cha mẹ đều cho thấy sự ảnh hưởng lớn nhất đến nhu cầu kết hôn của người LGBT, thể hiện rõ nét ảnh hưởng của văn hoá Á Đông lên khía cạnh hôn nhân và gia đình. Khảo sát khác cho thấy có đến 57,3% người trả lời trong điều tra trực tuyến cho biết hiện mối quan hệ cùng giới của họ không được cha mẹ chấp nhận, 46,3% cho biết tình cảm đó không được sự chấp nhận của họ hàng, thậm chí có đến 16,8% đã từng bị gia đình và họ hàng đe dọa nhằm chấm dứt mối quan hệ [7]. Điều này cũng lý giải cho nhu cầu thiết tha của cộng đồng LGBT và những nỗ lực của họ trong việc đạt được sự thừa nhận và cho phép của các gia đình đối với việc kết đôi và sống chung.

Xã hội: Đây là yếu tố không thể thiếu khi nói đến nhu cầu kết hôn của các cặp đôi LGBT khi hình mẫu gia đình truyền thống vẫn luôn là cái cơ cho sự kỳ thị và phân đối. Kết quả từ khảo sát cho thấy đa số người tham gia nghiên cứu đều đồng ý một phần rằng xã hội có ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp của họ với $\bar{X}=2,56 \pm 1,205$. Yếu tố ảnh

hưởng nhiều nhất là không được xã hội, cộng đồng chấp nhận ($\bar{X}=3,34 \pm 1,389$). Năm 2013, khảo sát của iSEE chỉ ra rằng một điểm đáng lưu ý là ngay trong chính cộng đồng người đồng tính, vẫn còn nhiều ý kiến tỏ ra khá dè dặt về tiến trình luật hóa hôn nhân đồng giới. Với 2.592 người trả lời câu hỏi về các lo ngại khi pháp luật công nhận hôn nhân đồng tính, số đông (59%) cho biết không cảm thấy có điều gì đáng quan ngại với việc này. Số người còn lại có những mối lo riêng: 27,7% lo ngại rằng việc cho phép có thể khiến các bạn trẻ vội vàng đi đăng ký kết hôn mà không cân nhắc kỹ, dẫn đến tỷ lệ ly dị có thể sẽ cao; 21,1% sợ rằng sẽ có những làn sóng phản đối từ dư luận xã hội hơn lúc hôn nhân đồng giới chưa được hợp pháp, 18,8% số người được hỏi nghĩ việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ khiến xã hội đề ý và soi mói hơn; 9,2% cho rằng quan hệ có đăng ký sẽ không phải là quan hệ dựa trên tình yêu đơn thuần nữa; và 4,6% không muốn bị ràng buộc trong mối quan hệ [7]. Khi so sánh với nghiên cứu của nhóm cho thấy sự khác biệt khi không được xã hội, cộng đồng chấp nhận là yếu tố ảnh hưởng sâu sắc nhất khác với việc lo ngại rằng việc cho phép có thể khiến các bạn trẻ vội vàng đi đăng ký kết hôn mà không cân nhắc kỹ, dẫn đến tỷ lệ ly dị có thể sẽ cao.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 250 người LGBT tại Thành phố Cần Thơ, kết quả ghi nhận 60% đối tượng có nhu cầu kết hôn hợp pháp, khi đặt giả thuyết được pháp luật công nhận, con số này tăng lên 90,4%. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu kết hôn hợp pháp lần lượt là gia đình ($\bar{X}=4,07 \pm 0,794$), bản thân ($\bar{X}=3,61 \pm 0,949$) và xã hội ($\bar{X}=2,56 \pm 1,205$). Kết quả nghiên cứu cho thấy cần nhiều nghiên cứu hơn nữa về nhu cầu kết hôn hợp pháp của người LGBT. Bên cạnh đó pháp luật cần có những thay đổi và phát triển nhất định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng này, nhất là khía cạnh hôn nhân và gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội. số 52/2014/QH13. Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 8. 2014.
2. Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương. Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam. Viện nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường iSEE. 2015. 69-70.
3. Council of Europe. Combating discrimination on grounds of sexual orientation or gender identity: Council of Europe standards. 2011. ISBN 978-92-871-6989-1.
4. Nancy G. Maxwell. Opening civil marriage to same-gender couples: A Netherlands-United states comparison. 2001. 18. 141-207.
5. Phan Thanh Hải. Nghiên cứu tình hình và một số yếu tố liên quan đến việc công khai xu hướng tính dục của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại thành phố Cần Thơ. 2023. 132-136. <https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1.7727>.
6. Anthony R. D'Augelli PhD. Lesbian and Gay youth's aspirations for marriage and raising children. *Journal of LGBT Issues in Counseling*. 2008. 77-98. https://doi.org/10.1300/J462v01n04_06.
7. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). Tổng luận nghiên cứu về người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam. 2013. 44-50.
8. Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Thành Long, Phạm Thanh Trà. Sống cùng giới. Trải nghiệm thực tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi. Viện nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE). 2013.